

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2023

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đê.

2. Ông Huỳnh Minh Nhì.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1986;

2- *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. (Chị N có mặt. Anh T vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Anh chị kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống không hòa hợp nhau, mâu thuẫn tiền bạc, tình cảm nên thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm tình cảm vợ chồng phai nhạt, mỗi người có chí hướng riêng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng đi làm không

chịu về giải quyết, anh T kêu ở nhà tự giải quyết đi anh không về được. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Anh chị có một người con chung là K, sinh ngày 30/11/2008, hiện nay anh T đang nuôi. K có nguyện vọng tiếp tục theo anh T, chị N đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi con.

Anh chị không tranh chấp các vấn đề khác.

- Bị đơn là anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và nuôi con*”.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Năm 2008 anh T và chị N đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T vắng mặt không tham gia hòa giải và xét xử nên Tòa án không hàn gắn cho anh chị được. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống

nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Hiện tại anh chị có một người con chung là K, sinh ngày 30/11/2008, anh T đang nuôi và chị N đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi. Xét thấy, từ trước đến nay K sống chung anh T và được nuôi dạy tốt, đồng thời K có nguyện vọng sống với anh T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và nguyện vọng của K, giao K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của anh T nhưng anh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị N trình bày không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T. Cho chị N được ly hôn với anh T.

2- Về con chung: Giao K, sinh ngày 30/11/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp anh T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0001055 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận